TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HS-ST
Ngày 14-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quàng Văn Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thu Trang
Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Huyền Trang, Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Hòa, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2025/HSST ngày 24 tháng 01 năm 2025, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lường Thị Đ**; Sinh ngày 16/02/1995 tại xã S, huyện B, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản P, xã S, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Không; Trình độ Văn hóa: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Lường Văn T, sinh năm 1964 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1971; Hiện nay đều cư trú tại bản P, xã S, huyện B, tỉnh Sơn La; Bị cáo chưa có chồng, bị cáo có 01 con, sinh năm 2024; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt.

***Người bào chữa cho bị cáo Lường Thị Đ*:** Ông Điêu Chính Tùng - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sơn La. Có mặt.

***Nguyên đơn dân sự*:** Ông Giàng A V; Sinh năm 1983; Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:** Ông Dương Thế V1; Sinh năm 1984; Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKS-BY ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La, truy tố bị cáo Lường Thị Đ phạm tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Vào khoảng đầu năm 2023, do cần tiền để giải quyết công việc cá nhân, Lường Thị Đ có đến hỏi vay tiền của bà Bùi Thị Phương nhưng bà Phương không cho Đ vay nên Đ đã nhờ Giàng A V đứng ra vay tiền của bà Phương. Đến khoảng giữa tháng 4 năm 2023 Đ có trao đổi thoả thuận với V, V có yêu cầu Đ phải có tài sản hoặc giấy tờ liên quan đến tài sản để thế chấp. Do không có tài sản hay giấy tờ gì để thế chấp nên Đ tìm hiểu trên mạng xã hội và kết bạn trên ứng dụng Zalo với một người không biết tên, tuổi, địa chỉ để trao đổi, thuê làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lường Thị Đ, với số tiền 1.300.000 đồng. Sau khi có được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, Đ viết 01 "Giấy cam kết" đề ngày 26/4/2023 và 01 bản *"Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"* đề ngày 26/4/2023 do V gửi cho Đ trên Zalo và Đ đã tự in ra. Các chữ ký, viết tên của Lường Văn Tuân, Hoàng Thị Hiền (bố, mẹ của Đ) trên "Giấy cam kết" đề ngày 26/4/2023, và *"Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"* đề ngày 26/4/2023 là Lường Văn Tuân ký, còn tên Hoàng Thị Hiền do Đ cầm tay bà Hiền để ký, viết tên vào giấy do bà Hiền không biết chữ. Khi ký, viết tên vào *"Giấy cam kết"* đề ngày 26/4/2023 và*"Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"* đề ngày 26/4/2023, ông Tuân và bà Hiền không biết hay hỏi gì và không đọc lại nội dung có trên giấy. Đối với chữ ký và tên của Đinh V1 Đoan (là Trưởng bản P, xã S, huyện B) trên *"Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"* đề ngày 26/4/2023 là do Lường Thị Đ tự ký và viết tên lên trên giấy. Sau khi chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ trên theo yêu cầu của Giàng A V, ngày 26/4/2023, Đ đã mang 03 giấy tờ nói trên và 01 bản photo căn cước công dân mang tên Lường Thị Đ đến gặp V tại khu Trung tâm V1 hoá huyện B ở tiểu khu 1, thị trấn B, huyện B cho V giữ để vay tiền 70.000.000 đồng. Sau đó, V chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng vào số tài khoản ngân hàng MB Bank mang tên Lường Thị Đ, còn 40.000.000 đồng V tính trừ vào số tiền Đ đã vay trước đó. Sau khi vay được tiền của V, Đ trả cho V số tiền lãi 03 tháng đầu là 2.400.000đ và của 02 tháng sau là 4.200.000đ bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của V tại ngân hàng Agribank chi nhánh huyện B.

Vật chứng, tài sản thu giữ của vụ án:

Vật chứng, tài liệu tạm giữ của Giàng A V:

- 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đề ngày 26/4/2023.

- 01 Giấy cam kết đề ngày 26/4/2023.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 284625 mang tên Lường Thị Đ.

- 01 Giấy chứng minh nhân dân số 050859321 mang tên Lường Thị Đ, cấp ngày 21/7/2010.

- 01 Bằng tốt nghiệp Cao đẳng giáo dục tiểu học do Trường Cao đẳng Sơn La cấp cho Lường Thị Đ ngày 21/6/2016.

Tạm giữ của Dương Thế V1:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 284625 mang tên Lường Văn Tuân và Hoàng Thị Hiền do Uỷ ban nhân dân huyện B cấp ngày 28/7/2017.

- 01 Giấy mua bán đất giữa Dương Thế V1 và ông Lường Văn Tuân và Hoàng Thị Hiền lập ngày 09/11/2021.

Ngày 22/5/2024, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La ban hành bản Kết luận giám định tài liệu số 1116, kết luận:

– "Chữ ký, chữ viết mang tên Lường Thị Đ dưới mục "Người chuyển nhượng"; "(Ký tên)" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 và A2 so với chữ ký, chữ viết mang tên Lường Thị Đ dưới mục "Người lập" trên mẫu so sánh ký hiệu M là do cùng một người ký, viết ra.

Ngày 22/5/2024, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La ban hành bản Kết luận giám định tài liệu số 1117, đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất mang tên Lường Thị Đ, kết luận:

– Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất gửi giám định ký hiệu A là giả".

Ngày 12/8/2024, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có bản Kết luận giám định tài liệu số 1572, đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất mang tên Lường Văn Tuân và Hoàng Thị Hiền, kết luận: *"Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất gửi giám định ký hiệu A3 là thật".*

Ngày 14/8/2024, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có bản Kết luận giám định tài liệu số 1593, kết luận:

"1. Chữ viết phần nội dung trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ viết của Lường Thị Đ trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký, chữ viết mang tên Lường Văn Tuân dưới mục "Người chuyển nhượng (Ký và ghi rõ họ tên)", "(Ký tên)" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết của Lường Văn Tuân trên mẫu so sánh ký hiệu M3 là do cùng một người ký, viết ra.

3. Chữ ký, chữ viết mang tên Đinh V1 Đoan dưới mục "Chữ ký (Trưởng bản ký)" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết của Đinh V1 Đoan trên mẫu so sánh ký hiệu M4 không phải do cùng một người ký, viết ra.

4. Chữ viết "Hiền, Hoàng Thị Hiền" dưới mục "Người chuyển nhượng (Ký và ghi rõ họ tên)", "(Ký tên)" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ viết của Lường Văn Tuân trên mẫu so sánh ký hiệu M5 không phải do cùng một người viết ra.

5. Chữ viết "Hiền, Hoàng Thị Hiền" dưới mục "Người chuyển nhượng (Ký và ghi rõ họ tên)", "(Ký tên)" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ

viết của Lường Thị Đ trên mẫu so sánh ký hiệu M6 không phải do cùng một người viết ra.”.

Đối với hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Quá trình điều tra, xác minh không có cơ sở xác định được nhân thân, lai lịch của người được Đ thuê làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy không có căn cứ để xử lý đối với người này.

Đối với hành vi gian dối sử dụng giấy tờ giả để vay được tiền của Lường Thị Đ: Quá trình điều tra xác định sau khi Đ vay được 30.000.000 đồng của Giàng A V, Đ đã trả được số tiền lãi là 4.400.000 đồng. Thời điểm vay tiền với anh V ngày 26/4/2023, Đ Đg là nhân viên của Công ty VNPT - Chi nhánh huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Đến ngày 01/5/2023, Đ bị chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty dẫn đến không có việc làm và thu nhập nên Đ chưa trả được nợ cho V như đã hứa hẹn. Việc không trả được nợ cho V là do nguyên nhân khách quan, bản thân bị cáo Lường Thị Đ không bỏ trốn và không có ý thức chiếm đoạt tiền của Giàng A V. Do đó, hành vi của Lường Thị Đ không có đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đối với Lường Văn Tuân và Hoàng Thị Hiền: Quá trình điều tra có cơ sở xác định ông Lường Văn Tuân đã ký và bà Hoàng Thị Hiền được Lường Thị Đ cầm tay ký *“Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”* và *“Giấy cam kết”* đề ngày 26/4/2023. Tuy nhiên khi ký vào các giấy tờ trên bản thân ông Tuân và bà Hiền không biết nội dung giấy đã ký. Ông Tuân và bà Hiền đều không biết hành vi sử dụng tài liệu giả của Lường Thị Đ. Do vậy, không có căn cứ xử lý đối với Lường Văn Tuân và Hoàng Thị Hiền.

Đối với hành vi Giàng A V cho Lường Thị Đ vay tiền: theo lời khai của Lường Thị Đ, năm 2019 anh V cho Đ vay tiền 02 lần: lần 1 vay số tiền 70.000.000 đồng; lần 2 vay số tiền 20.000.000 đồng và ngày 26/4/2023 vay số tiền 30.000.000 đồng. Giàng A V không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện mà cho Lường Thị Đ vay tiền, tuy nhiên, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về mức lãi suất mà Giàng A V cho Đ vay tiền nên những lần vay tiền trên chỉ là những giao dịch dân sự thông thường. Do vậy, không có cơ sở xử lý đối với hành vi cho vay của anh Giàng A V.

Đối với giao dịch dân sự vay tài sản giữa Giàng A V và bà Bùi Thị Phương, bà Phương xác định chỉ thực hiện giao dịch với Giàng A V và cho V vay tiền không liên quan gì đến Lường Thị Đ và hiện tại Giàng A V đã trả cho bà Bùi Thị Phương toàn bộ số tiền vay nên không xử lý, giải quyết trong vụ án này.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa công khai, bị cáo Lường Thị Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ, trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lường Thị Đ đủ yếu tố cấu thành tội “Sử

dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Hình phạt chính: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lường Thị Đ mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xử lý vật chứng:

- Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên trả lại cho bị cáo Lường Thị Đ: 01 Bằng tốt nghiệp cao đẳng giáo dục tiểu học mang tên Lường Thị Đ; 01 Chứng minh nhân dân số 050859321 mang tên Lường Thị Đ.

Tuyên trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Thế V1 01 Giấy mua bán đất giữa Dương Thế V1 và ông Lường Văn Tuân và Hoàng Thị Hiền lập ngày 09/11/2021; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI284625, số vào sổ cấp GCN: CH002522, QĐ số 850/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 do chủ tịch UBND huyện B cấp ngày 28/7/2017, mang tên Lường Văn Tuân và Hoàng Thị Hiền.

- Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI284625, mang tên Lường Thị Đ là giấy giả; 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đề ngày 26/4/2023 và 01 Giấy cam kết đề ngày 26/4/2023 tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Lường Thị Đ phải trả cho nguyên đơn dân sự Giàng A V số tiền 30.000.000 đồng là số tiền Lường Đ vay của Giàng A V. Không chấp nhận yêu cầu Giàng A V yêu cầu bị cáo Lường Thị Đ phải trả số tiền vay nợ trước đó là 8.000.000 đồng do không có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lường Thị Đ, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn dân sự Giàng A V.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo Lường Thị Đ: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Buộc bị cáo Lường Thị Đ phải trả cho nguyên đơn dân sự Giàng A V số tiền 30.000.000 đồng là số tiền Lường Đ vay của Giàng A V. Bác yêu cầu

Giàng A V yêu cầu bị cáo Lường Thị Đ phải trả số tiền vay nợ trước đó là 8.000.000 đồng.

Ý kiến của bị cáo Lường Thị Đ tự bào chữa: Bị cáo nhất trí với tội danh mà cáo trạng truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét. Phần trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo xác định chỉ vay ông Giàng A V số tiền 30.000.000 đồng và bị cáo sẽ có trách nhiệm trả số tiền trên cho ông V.

Nguyên đơn dân sự ông Giàng A V trình bày ý kiến tranh luận: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: đề nghị bị cáo Lường Thị Đ phải trả cho ông V số tiền 38.000.000 đồng (trong đó 30.000.000 đồng là số tiền Đ vay ngày 26/4/2023 còn 8.000.000 đồng là số tiền Đ vay trước đó).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Thế V1 trình bày ý kiến tại các biên bản ghi lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt: Đề nghị được xin lại 01 Giấy mua bán đất giữa Dương Thế V1 và ông Lường Văn Tuân và Hoàng Thị Hiền lập ngày 09/11/2021; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI284625, số vào sổ cấp GCN: CH002522, QĐ số 850/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 do chủ tịch UBND huyện B cấp ngày 28/7/2017, mang tên Lường Văn Tuân và Hoàng Thị Hiền, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhất trí với tội danh mà cáo trạng truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, mong Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Lường Thị Đ khai nhận: Vào khoảng giữa tháng 4 năm 2023, do cần tiền Đ có trao đổi thoả thuận vay tiền V, V có yêu cầu Đ phải có tài sản hoặc giấy tờ liên quan đến tài sản để thế chấp. Do không có tài sản hay giấy tờ gì để thế chấp nên Đ tìm hiểu trên mạng xã hội và kết bạn trên ứng dụng Zalo với một người không biết tên, tuổi, địa chỉ để trao đổi, thuê làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lường Thị Đ, với số tiền 1.300.000 đồng. Sau khi chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ trên theo yêu cầu của Giàng A V, ngày 26/4/2023, Đ đã mang Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất mang tên Lường Thị Đ giả đến gặp V tại khu Trung tâm V1 hoá huyện B ở tiểu khu 1, thị trấn B, huyện B cho V giữ để vay tiền 70.000.000 đồng.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù với kết quả điều tra được chứng minh như sau: Kết luận giám định, vật chứng, lời khai của nguyên đơn dân sự, người liên quan...

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định bị cáo Lường Thị Đ đã có hành vi sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất giả để thực hiện giao dịch dân sự không đúng quy định của pháp luật, không tuân thủ các quy định của Bộ luật dân sự về vay mượn tài sản, đủ yếu tố cấu thành tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", tội danh được quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm".

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có trình độ V1 hóa, hiểu biết pháp luật, nhận thức được hậu quả của hành vi, nhưng bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm với động cơ mục đích cá nhân. Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, bình thường của các cơ quan Nhà nước, trong hoạt động quản lý hành chính, thực hiện giao dịch dân sự trái với quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương. Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình gây ra.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã bị khởi tố, truy tố, xét xử về tội "tham ô tài sản" xảy ra tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, tuy nhiên chưa có bản án có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo về hành vi trên nên không xem xét, đánh giá trong vụ án này.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Tòa cần xem xét chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, vì bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là phụ nữ Đg nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

[5] Về hình phạt chính: Tòa cần xem xét cân nhắc xử phạt bị cáo mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi thực hiện tội phạm và nhân thân của bị cáo. Việc cách ly bị cáo một thời gian là cần thiết, có như vậy mới có thể đảm bảo được điều kiện và thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời nhằm dăn đe, giáo dục chung, đáp ứng yêu cầu công tác đấu tranh phòng chống các hành vi tương tự xảy ra ở địa phương hiện nay.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định *" 4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*. Xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo có khó khăn về kinh tế, không có tài sản riêng và thu nhập ổn định, không có khả năng thi hành. Vì vậy Tòa cần xem xét chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà ông Giàng A V xác định Lường Thị Đ có nợ Giàng A V tổng số tiền là 38.000.000 đồng (trong đó 30.000.000 đồng là số tiền Đ vay ngày 26/4/2023 còn 8.000.000 đồng là số tiền Đ vay trước đó) và yêu cầu Lường Thị Đ phải trả số tiền trên cho Giàng A V. Đối với số tiền 30.000.000 đồng là số tiền Đ vay ngày 26/4/2023, Giàng A V và Lường Thị Đ đều xác nhận số tiền trên V đã chuyển khoản cho Đ vay (có bản sao kê của Ngân hàng) và tại phiên toà Lường Thị Đ xác định sẽ có trách nhiệm thanh toán cho Giàng A V số tiền trên. Đối với số tiền 8.000.000 đồng Giàng A V cho rằng là tiền Đ vay V thời gian trước đó. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên toà Giàng A V không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của Giàng A V. Tòa cần căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự để xử lý.

[8] Về vật chứng, tài sản thu giữ của vụ án:

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI284625, mang tên Lường Thị Đ là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất qua giám định xác định là giấy tờ giả; 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đề ngày 26/4/2023 và 01 Giấy cam kết đề ngày 26/4/2023. Hiện Đg lưu giữ trong hồ sơ vụ án, là tài liệu chứng cứ của vụ án, cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 Giấy mua bán đất giữa Dương Thế V1 và ông Lường Văn Tuân và Hoàng Thị Hiền lập ngày 09/11/2021; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI284625, số vào sổ cấp GCN: CH002522, QĐ số 850/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 do chủ tịch UBND huyện B cấp ngày 28/7/2017, mang tên Lường Văn Tuân và Hoàng Thị Hiền. Hiện Đg lưu giữ trong hồ sơ vụ án, là giấy tờ liên quan đến giao dịch dân sự mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Dương Thế V1 và ông Lường Văn Tuân, bà Hoàng Thị Hiền, không phải là vật chứng của vụ án, anh V1 đề nghị được xin lại, cần trả lại ngay sau phiên tòa các giấy tờ trên cho anh Dương Thế V1. Theo quy định tại khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 Bằng tốt nghiệp cao đẳng giáo dục tiểu học mang tên Lường Thị Đ; 01 Chứng minh nhân dân số 050859321 mang tên Lường Thị Đ. Hiện Đg lưu giữ trong hồ sơ vụ án, là giấy tờ nhân thân và bằng cấp của bị cáo Lường Thị Đ, không phải là vật chứng của vụ án, cần trả lại ngay sau phiên tòa cho bị cáo Lường Thị Đ. Theo quy định tại khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về án phí: Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, thì bị cáo Lường Thị Đ là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã S, huyện B là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do vậy Tòa cần xem xét miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Tuyên bố bị cáo Lường Thị Đ phạm tội: "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

- Xử phạt bị cáo Lường Thị Đ 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lường Thị Đ.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo Lường Thị Đ phải trả cho ông Giàng A V số tiền 30.000.000 đồng là số tiền Lường Thị Đ vay của Giàng A V.

- Không chấp nhận yêu cầu của Giàng A V yêu cầu bị cáo Lường Thị Đ phải trả số tiền vay nợ trước đó 8.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về vật chứng, tài sản thu giữ của vụ án: Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại ngay cho bị cáo Lường Thị Đ: 01 Bằng tốt nghiệp cao đẳng giáo dục tiểu học mang tên Lường Thị Đ; 01 Chứng minh nhân dân số 050859321 mang tên Lường Thị Đ.

- Trả lại ngay cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Thế V1 01 Giấy mua bán đất giữa Dương Thế V1 và ông Lường Văn Tuân và Hoàng Thị Hiền lập ngày 09/11/2021; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI284625, số vào sổ cấp GCN: CH002522, QĐ số 850/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 do chủ tịch UBND huyện B cấp ngày 28/7/2017, mang tên Lường Văn Tuân và Hoàng Thị Hiền.

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI284625, mang tên

Lường Thị Đ là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giả; 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đề ngày 26/4/2023 và 01 Giấy cam kết đề ngày 26/4/2023.

4. Về Án phí: Căn cứ điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lường Thị Đ. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn dân sự Giàng A V.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo quy định chung của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định chung của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Quàng Văn Thủy

Nơi nhận:
-Toà án tỉnh Sơn La;
-VKSND tỉnh Sơn La;
-VKSND B;
-Công an-B;
-Bị cáo;
-Người bào chữa;
-Nguyên đơn dân sự;
-Người liên quan:
-Trại giam-Sơn La;
-Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
-Chi cục THADS-B;
-THA.Hình sự;
-Lưu hồ sơ - Án V1.